

# **BẢO CAO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt  
Địa chỉ: Số 33 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

02 - 03	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
04 - 06	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ
07 - 52	Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
07 - 09	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ
10	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ
11 - 12	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ
13 - 52	Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trang

11  
ON  
16  
27

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### TỔNG CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt trước đây là Công ty Công trình Đường sắt được cổ phần hóa theo Quyết định số 3745/QĐ-BGVTT ngày 07/12/2004 của Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103008002 cấp lần đầu ngày 25/05/2005 thay đổi lần 19 ngày 14/01/2020 với mã số doanh nghiệp mới là 3300101075 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 33, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Hữu Diên Chủ tịch

Ông Mai Thanh Phương Thành viên

Ông Võ Văn Phúc Thành viên

Ông Ưông Huy Đông Thành viên

Ông Phạm Ngọc Cường Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Phúc

Ông Kiều Nghi

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hải Yến

Ông Nguyễn Huy Hoàng

Trưởng ban

Thành viên

Ông Triệu Tuyền

Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng công ty:

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phân anh trung thực, hợp lý tính hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Tổng công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các danh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu

đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

hợp nhất giữa niên độ;

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phân tích hình thái chính của Tổng công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tài bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phân tích trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn và quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Văn Phúc

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT KẾT THỔNG TIN TẠI CHINH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số: 271020.003/BCTC.KTS



Kính gửi: Quý Công đồng, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám sát Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt được lập ngày 27/10/2020, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chú ý vào phòng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại thời điểm 01/01/2020 và 30/06/2020, đối với khoản mục Hàng tồn kho đang được trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng thích hợp về giá trị ghi sổ cũng như khả năng có thể thu hồi các lợi ích kinh tế đối với các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu, quyết toán với giá trị lần lượt là 185,74 tỷ VND và 188,19 tỷ VND; - Đồng thời, Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng về giá trị thuần có thể thực hiện được của các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa với tổng giá trị lần lượt là 89,32 tỷ VND và 88,81 tỷ VND.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan hoặc thuyết minh bổ sung cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo liên quan đến khoản mục này hay không.



Đối với khoản mục Các khoản phải thu ngân hàng đang được trình bày tại các thuyết minh số 5, 6, 7, 8, 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ các thu xác nhận số dư tại ngày 01/01/2020 và 30/06/2020 của các khoản nợ phải thu với tổng giá trị lần lượt là 61,67 tỷ VND và 45,38 tỷ VND;
- Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc trích lập dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi với giá trị gốc tại ngày 30/06/2020 là 12,85 tỷ VND (trong đó Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản công nợ này với giá trị là 11,11 tỷ VND);
- Tại các Thuyết minh số 5, 6, 7 cũng đang trình bày các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2020 và 30/06/2020 với cùng giá trị là 27,92 tỷ VND chưa được Tổng công ty (công ty mẹ) và các công ty con danh giá trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại các thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Tại ngày 01/01/2020 và 30/06/2020, Tổng công ty đang theo dõi trên khoản mục Phải thu ngân hàng khác chỉ phí phục vụ thì công phát sinh tại công ty con - công ty Cổ phần xây dựng Công trình Đường sắt 796 với giá trị 2.585.134.000 VND chưa được ghi nhận vào chi phí các công trình do chưa tập hợp được chứng từ;
- Tại Thuyết minh số 8, Tổng công ty đang theo dõi khoản chênh lệch giữa số tiền mất tồn tại quý theo số sách kế toán với số tiền mất theo kiểm kê thực tế chưa có phương án xử lý với giá trị là 699.410.072 VND. Với các thủ tục xét xết đã thực hiện chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng trích hợp về các khoản công nợ chưa được xác nhận, khả năng thu hồi và giá trị dự phòng đối với các khoản nợ phải thu nêu trên tại thời điểm ngày 01/01/2020 và 30/06/2020, do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh hoặc thuyết minh bổ sung cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo liên quan đến các vấn đề này hay không.

Như Tổng công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các công ty con chưa thực hiện xử lý khoản tồn thất phát sinh từ các khoản chi phí liên quan đến cổ phần hóa với tổng giá trị là 6,93 tỷ VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 01/01/2020 và ngày 30/06/2020 chỉ tiêu Phải thu ngân hàng khác (mã số 136) và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) đang phản ánh chưa với cùng một giá trị là 6,93 tỷ VND.

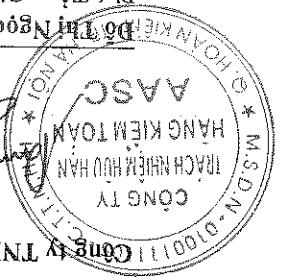
Chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ các thu xác nhận số dư tại ngày 01/01/2020 và 30/06/2020 của các khoản nợ phải trả với tổng giá trị lần lượt là 41,49 tỷ VND và 43,46 tỷ VND. Bằng các thủ tục xét xết đã thực hiện, chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng trích hợp về các khoản công nợ chưa được xác nhận và ảnh hưởng của việc ghi nhận nợ quá hạn, lại quá hạn (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Như Tổng công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 20 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, vào tháng 12 năm 2019 và tháng 01 năm 2020 Tòa án Nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành các thông báo về việc đã thụ lý các vụ án dân sự sơ thẩm về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo các đơn khởi kiện của các cá nhân cho vay (bên nguyên đơn). Bằng các thủ tục xét xết đã thực hiện, chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng trích hợp về việc ghi nhận các giao dịch vay, chi phí lãi vay đồng thời chúng tôi cũng không thể đánh giá được các rủi ro phát sinh từ các vụ kiện liên quan đến các giao dịch vay này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về các giao dịch vay, chi phí lãi vay và các rủi ro có liên quan.

Như Tổng công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 15 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 01/01/2020 và ngày 30/06/2020, dự án xây dựng đề mố rộng Nhà điều hành tại Công ty Cổ phần Công trình 791 (công ty con) đang được theo dõi với giá trị là 2,01 tỷ VND. Từ năm 2016 đến nay, dự án đang bị cơ quan chức năng buộc phải dừng thi công do chưa hoàn thành thủ tục cấp phép. Với các thủ tục xét xết đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng trích hợp về giá trị ghi sổ và khả năng thu hồi đối với các chi phí đã bỏ ra để thực hiện dự án. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan hoặc thuyết minh bổ sung cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo liên quan đến vấn đề nêu trên hay không.

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2020  
kiểm toán số: 0569-2018-002-1  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Phó Tổng Giám đốc  
Đỗ Thị Ngọc Dung



*(Signature)*  
Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán AASC

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt đã được kiểm toán và soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty TNHH Hàng Kiểm Toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoài trừ và kết luận ngoài trừ đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 và ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Vấn đề cần nhân mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoài trừ nêu trên của chúng tôi.

**Vấn đề cần nhân mạnh**

Như Tổng công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngày 18/08/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành văn bản số 5521/UBND-BTD về việc thành lập pháp luật pháp luật trong quản lý sử dụng đất của Công ty Cổ phần Công trình 791, trong đó giao cho Chánh thanh tra tỉnh chủ trì, thành lập đoàn thanh tra liên ngành để thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý sử dụng đất của Công ty Cổ phần Công trình 791, trong đó giao cho thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Các nghĩa vụ nợ phải trả phát sinh do vụ việc trên sẽ thay đổi sau khi cơ quan có thẩm quyền hoàn tất việc thanh tra và có kết luận chính thức.

**Kết luận ngoài trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoài trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

độ kèm theo liên quan đến vấn đề này hay không.

Tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty chưa xác định để loại trừ các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán hàng trong nội bộ trong Tổng công ty đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp để đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên

độ kèm theo. Trong năm 2019, Tổng công ty đã đánh giá và ghi nhận doanh thu một lần tương ứng với thời gian cho thuê còn lại của hoạt động cho thuê tài sản tại Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng (công ty con) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Tầng Xăng dầu. Chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp và đầy đủ về các danh giá này do đó chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của việc ghi nhận doanh thu này đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

1111  
0NG  
0KI  
A/

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã TÀI SẢN Thu yết minh VND VND  
Số (Đã điều chỉnh) 01/01/2020 30/06/2020 VND

100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	610.014.072.354	612.236.732.081
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.357.894.819	16.031.592.740
111	1. Tiền	5.678.981.968	8.179.047.071
112	2. Các khoản tương đương tiền	678.912.851	7.852.545.669
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	158.668.913.013	211.879.553.770
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	148.937.661.635	198.922.784.066
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.463.080.432	16.383.551.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	26.242.142.546	27.934.236.986
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.673.381.672)	(32.060.428.354)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	699.410.072	699.410.072
140	IV. Hàng tồn kho	418.732.612.027	361.010.001.686
141	1. Hàng tồn kho	418.732.612.027	361.010.001.686
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	26.254.652.495	22.815.583.885
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	2.356.641.559	1.962.847.656
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	23.177.444.994	20.132.170.287
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	720.565.942	720.565.942
18			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
số		VND	VND
		(Đã điều chỉnh)	
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>174.178.478.065</b>	<b>184.471.350.204</b>
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		1.985.760.874	2.034.991.604
216 I. Phải thu dài hạn khác	7	1.985.760.874	2.034.991.604
220 II. Tài sản cố định		155.500.644.524	165.906.817.839
221 I. Tài sản cố định hữu hình	13	150.223.084.966	160.528.186.349
222 - Nguyên giá		440.332.736.911	438.760.736.911
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(290.109.651.945)	(278.232.550.562)
227 2. Tài sản cố định vô hình	12	5.277.559.558	5.378.631.490
228 - Nguyên giá		6.445.812.900	6.445.812.900
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.168.253.342)	(1.067.181.410)
230 III. Bất động sản đầu tư	14	3.428.928.610	3.477.223.378
231 - Nguyên giá		5.686.065.091	5.686.065.091
232 - Giá trị hao mòn lũy kế		(2.257.136.481)	(2.208.841.713)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	2.360.550.786	2.224.332.604
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.360.550.786	2.224.332.604
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	100.000.000	100.000.000
253 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000	100.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		10.802.593.271	10.727.984.779
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	10.393.466.829	10.318.858.337
262 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	33	409.126.442	409.126.442
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>784.192.550.419</b>	<b>796.708.082.285</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tổng công trình Đường Sắt  
Số 33 Làng Hà, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã NGUỒN VỐN số  
Thuyết minh  
30/06/2020 VND  
01/01/2020 VND (Bà điều chỉnh)

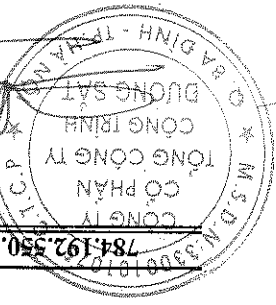
Mã	NGUỒN VỐN	số
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	550.921.012.574
310	I. Nợ ngắn hạn	512.360.652.852
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	129.958.457.471
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	137.535.271.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	43.153.648.846
314	4. Phải trả người lao động	8.957.531.359
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	9.994.602.691
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.297.599.820
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	779.260.909
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	76.638.789.187
322	9. Quy khen thưởng, phúc lợi	81.383.378.123
330	II. Nợ dài hạn	242.200.758.222
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	698.172.495
337	2. Phải trả dài hạn khác	5.514.593.042
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.412.413.014
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.129.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	1.973.180.028
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	278.832.836.391
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	154.573.830.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	154.573.830.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	25.766.666.079
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	154.573.830.000
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	278.832.836.391
421b	LNST chưa phân phối kỳ này	154.573.830.000
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25.766.666.079
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	796.708.082.285

Phùng Tiến Hải Cường  
Người lập biểu

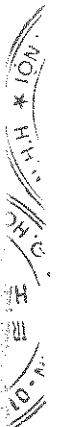
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng

Võ Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2020



Handwritten signatures of Phùng Tiến Hải Cường, Nguyễn Thị Thanh Huyền, and Võ Văn Phúc.



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã CHI TIẾT

Thuyết

6 tháng đầu

năm 2020

VND

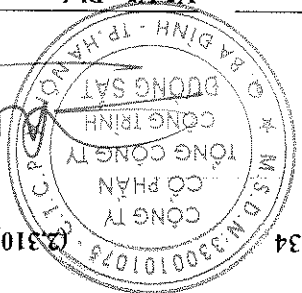
số

6 tháng đầu

năm 2019

VND

Mã	CHI TIẾT	Thuyết	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	96.539.377.810	114.868.980.377
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.539.377.810	114.868.980.377
11	3. Giá vốn hàng bán	25	95.221.360.819	112.645.317.981
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.318.016.991	2.223.662.396
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	26	85.074.661	60.150.068
22	6. Chi phí tài chính	27	11.040.008.745	12.215.435.235
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		11.040.008.745	12.215.435.235
25	7. Chi phí bán hàng	28	349.446.759	260.362.989
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	30.764.700.170	30.126.051.560
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(40.751.064.022)	(40.318.037.320)
31	10. Thu nhập khác	30	54.953.555	5.494.430.786
32	11. Chi phí khác	31	2.192.397.067	3.061.419.931
40	12. Lợi nhuận khác		(2.137.443.512)	2.433.010.855
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(42.888.507.534)	(37.885.026.465)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	589.400.127	461.215.489
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	-	51.620.925
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(43.477.907.661)	(38.397.862.879)
61	17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(35.710.795.865)	(29.180.946.176)
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(7.767.111.796)	(9.216.916.703)
70	19. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	34	(2.310)	(1.888)



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Võ Văn Phúc

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2020

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã CHI TIẾT	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	
		6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	(42.888.507.534)	(37.885.026.465)
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	12.026.468.083	14.110.046.660
03	- Các khoản dự phòng	1.612.953.318	(206.483.700)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(85.074.661)	(3.650.930.692)
06	- Chi phí lãi vay	11.040.008.745	12.215.002.934
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(18.294.152.049)	(15.417.391.263)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	48.601.643.462	(10.057.765.471)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(57.722.610.341)	(26.989.831.168)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	19.849.523.318	8.364.869.165
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(468.402.395)	2.604.073.109
14	- Tiền lãi vay đã trả	(11.040.008.745)	(12.343.364.023)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.436.270.774)	(282.285.452)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.646.116.432)	(738.355.210)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(23.156.393.956)	(54.860.050.313)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(1.708.218.182)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	88.113.197.591
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	500.000.000	-
27	4. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	85.074.661	60.150.068
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.123.143.521)	88.173.347.659
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	163.682.350.969	142.894.970.529
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(149.068.358.863)	(183.796.693.505)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(8.152.550)	(162.241.501)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	14.605.839.556	(41.063.964.477)

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

### BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

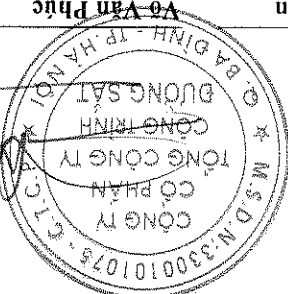
(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Ma CHI TIÊU	số	Thuyết	6 tháng đầu	VND	6 tháng đầu	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.673.697,921)	(7.750.667,131)		
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.031.592,740	23.756.464,317		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	6.357.894,819	16.005.797,186		

Phùng Tiên Hải Cường  
Người lập biên

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng



Võ Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2020

CHỖ CHỮ KÝ

## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt trước đây là Công ty Công trình Đường sắt được cổ phần hóa theo Quyết định số 3745/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ Giao thông Vận tải. Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 0103008002 cấp lần đầu ngày 25/05/2005 thay đổi lần 19 ngày 14/01/2020 với mã số doanh nghiệp mới là 3300101075 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng công ty tại: Số 33 Láng Hạ, phường Thanh Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng công ty là 154.573.830.000 VND, tương đương 15.457.383 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ, thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Tổng công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dùng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

#### Cấu trúc tập đoàn

Tổng công ty có 11 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công trình 791	Nghệ An	69,28%	69,28%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty Cổ phần Công trình 792	Quảng Bình	68,57%	68,57%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty Cổ phần Công trình 793	Quảng Trị	63,01%	63,01%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	Thành phố Hồ Chí Minh	97,80%	97,80%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty Cổ phần Công trình Cơ giới 798	Hà Nội	60,81%	60,81%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Công trình 875	Đà Nẵng	60,38%	60,38%	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biên	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	Huế	67,95%	61,34%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Công ty Cổ phần Công trình 879	Thừa Thiên Huế	67,95%	67,95%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Công ty Cổ phần Đà Hoàng Mai	Nghệ An	87,87%	87,87%	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Tông hợp	Hà Nội	100,00%	100,00%	Bán buôn, nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)
Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	Đà Nẵng	100,00%	100,00%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**

**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tông công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*  
 Tông công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*  
 Tông công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tông công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tông công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Tông công ty kiểm soát được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Tông công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhân đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tông công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tông công ty và công ty con. Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tông công ty.

31001  
RACH  
HANG

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tu, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nợ phải trả tài chính Nợ phải trả tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành công các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Tài sản tài chính Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành công các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Ghi nhận ban đầu

2.4. Công cụ tài chính

Từ các vấn đề nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá và tin tưởng rằng Tổng công ty có thể đảm bảo được dòng tiền ổn định để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và dần bù đắp lỗ lũy kế trong tương lai.

phần bù đắp các khoản lỗ từ hoạt động xây lắp. doanh thu của Tổng công ty. Trong 06 tháng đầu năm 2020, lợi nhuận góp của hoạt động này là 6,6 tỷ VND góp 2020 sẽ góp phần hỗ trợ kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong thời gian tới. - Tổng công ty đã nhận được cam kết của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cấp hạn mức tín dụng 509 tỷ VND (trong đó hạn mức tín dụng ngân hàng có giá trị 200 tỷ và hạn mức bảo lãnh có giá trị 309 tỷ) cho thời hạn từ ngày 05/09/2019 đến ngày 30/10/2020. - Tổng công ty đang trong giai đoạn thực hiện và nghiệm thu các hợp đồng xây lắp từ các năm trước với giá trị lớn như: hợp đồng số 770/HĐKT/2019 ngày 07/11/2019 về việc hoàn trả cầu đường sắt và hệ thống thông tin hiệu đường sắt với giá trị 73,3 tỷ VND, hợp đồng số 143/2017/HĐ-XD ngày 10/04/2017 về việc thi công xây dựng cầu Tam Giang với giá trị 69,7 tỷ VND,... Các công trình này dự kiến sẽ được nghiệm thu vào quý III năm 2020 sẽ góp phần hỗ trợ kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong thời gian tới. - Ngoài hoạt động xây lắp, hoạt động sản xuất công nghiệp là sản xuất đá và vôi chiếm lớn trong tổng phần bù đắp các khoản lỗ từ hoạt động xây lắp.

gia đình hoạt động liên tục vì các lý do sau đây: của Tổng công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo vẫn được Tổng công ty lập dựa trên thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trong yêu cầu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục (ngày 31/12/2019 là 102,81 tỷ VND); lưu chuyển tiền thuần trong kỳ là âm 9,67 tỷ VND. Nhưng sự kiện này cho (ngày 30/06/2020, tên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2020 là 139,65 tỷ VND Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Áp dụng Giá định về hoạt động liên tục



các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

**2.7. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yêu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản này được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động xây lắp được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sản xuất được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải
- Thiết bị văn phòng
- Quyền sử dụng đất
- Phần mềm quản lý

- 10 - 25 năm
- 03 - 20 năm
- 06 - 10 năm
- 03 - 08 năm
- 32 năm
- 10 năm

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

UHAN  
COAI  
C  
16

**2.10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

25 năm

**2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn quản lý dự án, chi phí mua... được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.12. Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến quá hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.14. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

**2.15. Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế hoạch vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**2.16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**2.17. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí phải trả nhà thầu phụ công trình, chi phí tài tiên vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.  
Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.19. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.  
Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trong hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

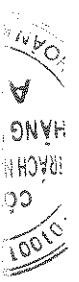
Tổng công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:  
- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chi sâu của Tổng công ty.  
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, dem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trích bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.20. Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:  
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;  
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;  
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
- Tổng công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;  
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*  
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:  
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;  
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;  
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.  
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp danh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*  
Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phân tích trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thương và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thông nhất với khách hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*  
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:  
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;  
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt từ hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành hành  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành  
Thuế suất thuế TNDN hiện hành  
Tông công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

## 2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty; những nhân sự quan lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng công ty một cách toàn diện.

## 3. TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	821.263.296	570.742.531
Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	678.912.851	7.608.304.540
	<u>6.357.894.819</u>	<u>16.031.592.740</u>

<sup>(1)</sup> Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng có giá trị 678.912.851 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất 4,8%/năm.

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội | Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Giá gốc	VND	VND
Giá trị ghi sổ	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	-	500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	500.000.000
	-	500.000.000

b) Đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2020	01/01/2020
Giá gốc	VND	VND
Dự phòng	VND	VND
Giá gốc	VND	VND
Dự phòng	VND	VND
Các khoản đầu tư khác	100.000.000	100.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Sài Gòn	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	100.000.000

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên khoản đầu tư vào đơn vị khác	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần vật tư Đường sắt Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	8,00%	8,00%	Vận tải đường sắt



5. PHẢI THU NGÂN HÀNG CỦA KHÁCH HÀNG

30/06/2020		01/01/2020 (Số điều chỉnh)	
Gia trị VND	Dự phòng VND	Gia trị VND	Dự phòng VND

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

-	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Miền Trung	22.380.270.850	-	16.858.847.192	-
-	Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty Cổ phần	8.289.858.145	(8.289.858.145)	8.289.858.145	(8.289.858.145)
-	Công ty Cổ phần Xây dựng Quốc (1)	8.180.678.552	-	8.180.678.552	-
-	Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	7.550.347.970	-	8.258.770.716	-
-	Công ty TNHH Tân Hưng Thịnh	7.054.291.944	-	7.064.291.944	-
-	Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực 2	6.827.572.108	-	15.589.433.188	-
-	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng giao thông Quảng Trị	3.989.726.000	-	15.638.125.000	-
-	Ban Quản lý dự án Đường Sắt	-	-	15.676.367.480	-
-	Các khoản phải thu khách hàng khác	84.664.916.066	(13.216.164.320)	103.366.411.849	(11.603.211.002)
<b>148.937.661.635</b>		<b>(21.506.022.465)</b>		<b>198.922.784.066</b>	<b>(19.893.069.147)</b>

(1) Đây là phần giá trị 20% còn lại của hợp đồng số YNQG-PJHW-W008 ngày 10/11/2015 về việc cung cấp tà vẹt và hợp đồng số YNQG-PJHW-G17 ngày 17/05/2016 về việc cung cấp nhân công thi công lắp đặt tà vẹt thực hiện dự án đường sắt đô thị Hà Nội tuyến Cát Linh - Hà Đông. Theo điều khoản hợp đồng, Công ty HH Tập đoàn cục 6 đường sắt Trung Quốc thực hiện thanh toán 10% giá trị của các hợp đồng khi dự án đi vào khai thác thương mại và thanh toán toàn bộ 10% giá trị còn lại của hợp đồng sau 2 năm nếu không phát sinh sự cố cần bảo hành. Hiện nay, do dự án đang chậm tiến độ nên Tổng công ty đang tiến hành các thủ tục làm việc với Công ty HH Tập đoàn cục 6 đường sắt Trung Quốc để đề nghị thanh toán giá trị của các hợp đồng này.

Tại ngày 30/06/2020, các khoản phải thu khách hàng tồn đọng lâu ngày với tổng giá trị là 18,73 tỷ VND, Tổng công ty và các công ty con đang thực hiện các biện pháp để thu hồi các khoản nợ phải thu này.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Gia trị	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Kỹ Thuật	1.712.271.000	(1.712.271.000)	1.712.271.000	(1.712.271.000)
- Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thời	1.442.700.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thiết bị và Van tài Gia Nguyễn	1.158.464.000	-	1.550.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	12.149.645.432	(3.601.573.043)	13.121.280.000	(3.601.573.043)
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.463.080.432</b>	<b>(5.313.844.043)</b>	<b>16.383.551.000</b>	<b>(5.313.844.043)</b>

Tại ngày 30/06/2020, các khoản trả trước cho người bán tồn đọng lâu ngày với tổng giá trị là 3,3 tỷ VND, Tổng công ty và các công ty con đang thực hiện các biện pháp để thu hồi các khoản nợ phải thu này.



**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020 (Bã điều chỉnh)
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND

a) Ngân hạn	212.010.888	105.301.828	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	170.889.000	143.641.000	-
Kỳ cược, kỳ quy	3.693.974.237	2.625.107.286	-
Phải thu CBCNV tiền tạm ứng	22.165.268.421	25.060.186.872	(6.853.515.164)
Phải thu về cổ tức	875.000.000	875.000.000	-
Phải thu liên quan đến cổ	6.929.601.120	6.929.601.120	-
phần hóa tại các công ty			
con <sup>(1)</sup>			
Phạm Xuân Sơn	32.780.172	1.269.040.172	-
Trung tâm phát triển quy	1.041.585.000	1.041.585.000	-
đất Thị xã Đông Triều (Gói			
8)			
Công ty TNHH MTV Tổng	1.000.000.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)
đội Thanh niên Xung			
phong Trường Sơn			
Chi phí Ban quản lý dự án	1.782.929.978	1.782.929.978	(1.782.929.978)
nhà 31 Láng Hạ			
Công ty Cổ phần Dầu tư	1.700.000.000	1.700.000.000	(1.700.000.000)
Thương mại và Xây dựng			
Bắc Hà			
Thuế GTGT được khấu trừ	823.906.854	823.906.854	-
Phải thu	2.585.134.000	2.585.134.000	-
Chi phí phục vụ thi công <sup>(2)</sup>	5.394.331.297	(2.370.585.186)	(2.370.585.186)
Các khoản phải thu khác	26.242.142.546	(6.853.515.164)	(6.853.515.164)

b) Đại hàn	1.985.760.874	2.034.991.604	-
Kỳ cược, kỳ quy	1.985.760.874	2.034.991.604	-
	1.985.760.874	2.034.991.604	-

(1) Đây là các chi phí liên quan đến cổ phần hóa tại các công ty con gồm: phần chênh lệch giá trị mệnh giá cổ phần và giá phát hành ưu đãi cho một số cổ đông là cán bộ công nhân viên còn lại; và chi phí phục vụ cổ phần hóa không được quyết toán.

(2) Đây là chi phí phục vụ việc thi công các công trình Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796 (công ty con) tuy nhiên chưa có đầy đủ chứng từ và hồ sơ để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tại ngày 30/06/2020, các khoản phải thu khác tồn đọng lâu ngày với tổng giá trị là 5,9 tỷ VND, Tổng công ty và các công ty con đang thực hiện các biện pháp để thu hồi các khoản nợ phải thu này.

30/06/2020		01/01/2020 (Bà điều chỉnh)	
Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
418.732.612,027	-	361.010.001,686	-
Hàng hoá	-	4.073.319,468	-
Thành phẩm	-	16.928.628,705	-
dang (1)	-	253.600.247,132	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	-	13.997.310,255	-
Công cụ, dụng cụ	-	72.410.496,126	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-

10. HÀNG TỒN KHO

Tại ngày 30/06/2020, các khoản công nợ tồn đọng lâu ngày với tổng giá trị là 27,92 tỷ VND (Chỉ tiết tại các thuyết minh số 5, 6, 7), Tổng công ty và các công ty con đang thực hiện các biện pháp để thu hồi các khoản nợ phải thu này do vậy giá trị các khoản công nợ tồn đọng nêu trên không được trình bày tại Thuyết minh này.

30/06/2020		01/01/2020	
Gia gốc	Gia trị có thể thu hồi	Gia gốc	Gia trị có thể thu hồi
VND	VND	VND	VND
35.992.938,938	2.319.557,266	32.284.798,989	224.370,635
Tổng công ty Xây dựng công	-	8.289.858,145	-
trình giao thông 1 - Công ty Cổ	-	2.924.424,641	-
phần	-	1.712.271,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và	-	1.782.929,978	-
Tư vấn Kỹ Thuật	-	1.700.000,000	-
Ban Quản lý dự án 31 Lăng Hà	-	1.000.000,000	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Thương	-	1.000.000,000	-
mại và Xây dựng Bắc Hà	-	1.000.000,000	-
Nguyễn Thanh Huyền	-	1.000.000,000	-
Công ty TNHH MTV Tổng đội	-	17.583.455,174	-
Thành niên xung phong Trường	-	-	-
Son	-	-	-
Các khoản phải thu khác	-	-	-

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay qua hạn thanh toán hoặc chưa qua hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

8. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

Tại ngày 01/01/2020 và 30/06/2020, Tài sản thiếu chờ xử lý với giá trị 699.410.072 VND là chênh lệch giữa số tiền mặt tồn tại quý theo sổ sách kế toán với số tiền mặt theo kiểm kê thực tế tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878 (Công ty con) căn cứ theo Báo cáo số dư tiền mặt số 264/BC-CT878 ngày 27/11/2019. Hiện nay, Công ty con này chưa có phương án xử lý đối với khoản tiền mặt thiếu hụt nêu trên.

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Lăng Hà, phường Thanh Công, quận Ba Đình, Hà Nội  
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Trong đó bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp tồn lâu nhưng chưa hoàn thành  
thứ tự thanh quyết toán tại thời điểm 30/06/2020 là 188,19 tỷ VND, cụ thể:

	30/06/2020	01/01/2020
- Cầu CV 1 và Cầu CV 2 thuộc Dự án Hà Long Cầu Lân	996.836.718	996.836.718
- Gói 5: Cầu Km 13, Km 15, Km 17 thuộc Dự án Đường sắt Lâm - Phả Lại	1.308.030.529	1.308.030.529
- Gói thầu CPIC Cầu Minh Lễ, Khe Nét, Ngân Sơn	5.051.816.606	5.051.816.606
- Gói thầu 14: Cầu Ông Tân, Cầu Yên Lập Dự án Hà Long - Cầu Lân	2.986.692.757	2.986.692.757
- Gói số 8: Cải tạo Chi Linh - Mạo Khê thuộc Dự án Đường sắt Lâm - Phả Lại	48.115.658.591	48.115.658.591
- Lắp đặt Dự án đường sắt trên cao Hà Nội - Cát Linh - G011	291.580.695	291.580.695
- Công kiểm soát triệu Tân Thuận	57.767.547.581	55.372.002.833
- Cảng Kỳ Hà	5.159.292.763	5.159.292.763
- Công trình cầu Hới Đà - Quảng Bình	5.789.772.191	5.735.510.501
- Các công trình công trình khác	60.726.877.702	60.726.877.702
<b>188.194.106.133</b>	<b>185.744.299.695</b>	

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
a) Ngân hạn	VND	VND
- Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị, nhà xưởng	206.347.022	194.300.400
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	255.206.881	587.266.313
- Chi phí bảo hiểm	124.272.335	132.926.282
- Chi phí thuê đất	1.603.155.078	54.315.562
- Chi phí trả trước ngân hạn khác	167.660.243	994.039.099
<b>2.356.641.559</b>	<b>1.962.847.656</b>	
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà điều hành	412.002.273	304.019.781
- Chi phí quyền sử dụng đất Công ty 796 <sup>(1)</sup>	904.055.357	915.060.857
- Tiền thuê đất	811.564.514	829.599.281
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	751.277.766	748.445.433
- Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị	2.350.576.570	1.029.093.501
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.163.990.349	6.492.639.484
<b>10.393.466.829</b>	<b>10.318.858.337</b>	

<sup>(1)</sup> Đây là tiền thuê đất trả một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại số 22, ngõ 371 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội (Xem thêm tại Thuyết minh 23).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HÌNH

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Láng Hạ, phường Thanh Công, quận Ba Đình, Hà Nội  
Bao cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Quyền sử dụng đất (1)	Phân mềm		Cộng
	máy tính	VND	
Nguyên giá	6.285.812.900	6.445.812.900	VND
Số dư đầu năm	6.285.812.900	6.445.812.900	
Số dư cuối kỳ	6.285.812.900	6.445.812.900	
Gia trị hao mòn lũy kế	1.051.869.582	1.067.181.410	
Số dư đầu năm	93.071.934	101.071.932	
- Khấu hao trong kỳ	1.144.941.516	1.168.253.342	
Số dư cuối kỳ	1.144.941.516	1.168.253.342	
Gia trị còn lại	5.233.943.318	5.378.631.490	
Tại ngày đầu năm	5.140.871.384	5.277.559.558	
Tại ngày cuối kỳ	5.140.871.384	5.277.559.558	

(1) Bao gồm:

- Khu đất tại khu phố Đông Tân, phường DT An, thị xã DT An, tỉnh Bình Dương với diện tích 228 m<sup>2</sup> được sử dụng để làm đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài. Tổng công ty nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Vuong Văn Nén với giá trị là 1.243.445.400 VND.
- Khu đất tại xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với diện tích 19.306,7 m<sup>2</sup> được sử dụng để trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đất đến tháng 03/2046. Tổng công ty nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Vu Chi Thiên (ba Nguyễn Thị Nga) với giá trị là 3.618.930.000 VND.
- Khu đất tại xã Lý Trách, huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình với diện tích 4.265 m<sup>2</sup> được sử dụng làm đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng đất đến tháng 07/2030. Tổng công ty được giao đất có thu tiền sử dụng đất với giá trị là 1.423.437.500 VND.



**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm	104.660.449.175	262.509.891.362	69.979.920.404	1.516.500.000	1.610.475.970	55.500.000	438.760.736.911	1.572.000.000	
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	71.496.420.404	1.665.975.970	440.332.736.911		
Số dư cuối kỳ	104.660.449.175	262.509.891.362	69.979.920.404	1.516.500.000	1.681.972.391	1.665.975.970	879.093.473.822	1.572.000.000	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu năm	53.102.811.713	176.085.471.270	47.607.324.047	1.436.943.532	278.232.550.562	41.668.130	11.877.101.383		
- Khấu hao trong kỳ	1.508.554.202	7.493.982.566	2.832.896.485	2.832.896.485	1.478.611.662	290.109.651.945			
Số dư cuối kỳ	54.611.365.915	183.579.453.836	50.440.220.532	1.478.611.662	290.109.651.945	290.109.651.945			
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày đầu năm	51.557.637.462	86.424.420.092	22.372.596.357	173.532.438	160.528.186.349	187.364.308	150.223.084.966		
Tại ngày cuối kỳ	50.049.083.260	78.930.437.526	21.056.199.872	187.364.308	150.223.084.966				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 43.088.814.471 VND;  
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 82.590.763.356 VND.

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Láng Hạ, phường Thanh Công, quận Ba Đình, Hà Nội | Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

#### 14. BẤT ĐỘNG SẢN DẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của đơn vị là văn phòng cho thuê tại số 33 Láng Hạ, phường Thanh Công, quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 5.686.065.091 VND. Giá trị khấu hao lũy kế tại ngày 30/06/2020 là 2.257.136.481 VND, trong đó giá trị khấu hao trong kỳ là 48.294.768 VND.

- Trong kỳ, doanh thu phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư là 2.069.251.837 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2019 là 2.116.863.275 VND).
- Các khoản tiền thuê thu được trong kỳ trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 23.
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.428.928.610 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá và tìm tương ứng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯ DẶNG

	30/06/2020	01/01/2020
VND	2.006.532.999	2.006.532.999
- Dự án nhà điều hành Công ty Cổ phần Công trình 791 <sup>(1)</sup>	354.017.787	217.799.605
- Các công trình khác		
<b>VND</b>	<b>2.360.550.786</b>	<b>2.224.332.604</b>

<sup>(1)</sup> Dự án xây dựng để mở rộng Khu nhà điều hành tại Công ty Cổ phần Công trình 791 (công ty con) được thực hiện từ năm 2015. Năm 2016, công trình bị buộc dừng thi công và bị lập biên bản xử phạt hành chính do chưa được cấp phép. Hiện nay, Công ty đang làm các thủ tục để xin bổ sung giấy phép xây dựng nhưng chưa được cơ quan chức năng tỉnh Nghệ An chấp thuận.

#### 16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
VND		

a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

- Ban Quản lý dự án Dầu tư xây dựng quận Long Biên	11.425.931.140	3.425.788.000
- Ban Quản lý dự án - Quy đất Huyện Nữ Thành	9.500.000.000	9.500.000.000
- Ban Quản lý dự án 85	6.747.851.700	-
- Ban Quản lý dự án Đường Sắt	4.466.904.520	-
- Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông tỉnh Quảng Bình	1.566.393.750	-
- Ban quản lý dự án 4	1.300.000.000	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	8.146.567.736	13.024.741.029
<b>VND</b>	<b>43.153.648.846</b>	<b>25.950.529.029</b>

b) Người mua trả tiền trước quá hạn

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình - Cầu Hới Xiên	1.750.000.000	1.750.000.000
- Người mua trả tiền trước khác	1.195.921.000	1.195.921.000
<b>VND</b>	<b>2.945.921.000</b>	<b>2.945.921.000</b>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẠN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
Gia trị	VND	VND
Số có khả năng trả nợ	VND	VND
Số có khả năng trả nợ	VND	VND

a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

- Công ty Cổ phần Nhân Luât Miền Bắc	9.876.982.676	9.876.982.676	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ Giới Trung Nam Miền Nam <sup>(b)</sup>	17.780.052.886	17.780.052.886	17.780.052.886	17.780.052.886
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	7.099.870.000	7.099.870.000	7.099.870.000	7.099.870.000
- Công ty Cổ phần Đường Sắt Nghĩa Bình	3.810.757.000	3.810.757.000	3.810.757.000	3.810.757.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	2.002.435.000	2.002.435.000	2.002.435.000	2.002.435.000
- Phải trả người bán là đối tượng khác	63.050.374.010	63.050.374.010	64.121.818.269	64.121.818.269
<b>Tổng cộng</b>	<b>137.535.271.304</b>	<b>137.535.271.304</b>	<b>129.958.457.471</b>	<b>129.958.457.471</b>

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- Công ty Cổ phần Cơ giới Trung Nam miền Nam	17.780.052.886	17.780.052.886	17.780.052.886	17.780.052.886
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	7.099.870.000	7.099.870.000	7.099.870.000	7.099.870.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật nền móng và Xây dựng Hồng Đức	2.673.276.666	2.673.276.666	2.673.276.666	2.673.276.666
- Công ty Cổ phần Đường Sắt Nghĩa Bình	3.749.330.000	3.749.330.000	3.749.330.000	3.749.330.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Vận tải Quang Thành	1.078.480.000	1.078.480.000	1.078.480.000	1.078.480.000
- Công ty Cổ phần L.P.T	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	13.502.103.208	13.502.103.208	13.502.103.208	13.502.103.208
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.297.912.492</b>	<b>80.297.912.492</b>	<b>80.968.059.988</b>	<b>80.968.059.988</b>

(b) Theo Biên bản làm việc ngày 30/12/2019 giữa Tổng công ty, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878 (công ty con), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam, Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam và Công ty Cổ phần Cơ giới miền Nam Trung Nam về việc thông nhất số liệu giảm trừ giá trị phát sinh do dừng chờ thi công không do lỗi nhà thầu tại Công trình Công kiểm soát triệu Tân Thuận, các bên đã đưa ra kết luận:

- Số liệu giảm trừ chi phí từ khi khởi công đến ngày 27/04/2018 do dừng chờ thi công không do lỗi của công ty con - Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878 tại công trình nêu trên là 17.472.615.304 VND. Giá trị thiết hại giai đoạn từ 28/04/2018 đến 31/12/2018 các bên sẽ thông nhất quyết toán vào thời điểm khi công trình được chủ đầu tư quyết toán với thành phố.

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Làng Hạ, phường Thành Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội | Ký kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Trong năm 2019, Căn cứ vào Biên bản nêu tên công ty con đã ghi nhận vào Thu nhập khác và giảm trừ công nợ phải trả Công ty Cổ phần Cơ giới Trung Nam Miền nam số tiền 17,472,615,304 VND. Hiện nay, công ty con đang tiếp tục phối hợp với Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam để thực hiện các kết luận đã nêu tại biên bản thỏa thuận.

THÀNH PHẦN



**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong kỳ	nộp trong kỳ	c cuối kỳ	c cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.890.046.861	3.626.357.902	6.245.514.336	-	1.270.890.427
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	14.934.965	-	14.934.965	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	711.825.047	2.290.689.825	589.400.127	2.436.270.774	711.825.047	443.819.178
Thuế thu nhập cá nhân	-	547.060.689	251.028.094	123.102.603	-	674.986.180
Thuế tài nguyên	-	267.259.739	692.889.750	677.684.140	-	282.465.349
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.441.103.213	3.955.428.488	1.846.902.025	-	4.549.629.676
Các loại thuế khác	-	794.151.058	601.975.264	50.264.676	-	1.345.861.646
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.740.895	394.091.914	213.254.178	217.467.189	8.740.895	389.878.903
	<b>720.565.942</b>	<b>10.639.338.264</b>	<b>9.930.333.803</b>	<b>11.612.140.708</b>	<b>720.565.942</b>	<b>8.957.531.359</b>

Quyết toán thuế của Tổng công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

30/06/2020	01/01/2020
VND	VND
(Đã điều chỉnh)	

**a) Ngân hàng**

Trích trước chi phí công trình	9.953.965.143	6.532.163.986
- Dự án Cầu An Mỹ	819.740.717	819.740.717
- Dự án Cầu Nhật Lệ	4.055.484.373	-
- Dự án Cầu Tam Giang	-	181.461.632
- Dự án Cầu Phong Hồ	821.235.503	-
- Sửa chữa định kỳ cầu Km556+419	366.878.182	890.244.545
- Dự án cầu Mèo	379.403.092	379.403.092
- Sửa chữa định kỳ cầu Km545+625	312.416.363	397.504.545
- Dự án 7 cầu thuộc dự án DH 173 tỉnh Bến Tre	151.880.789	567.719.554
- Dự án Cầu Long Biên	-	213.325.173
- Dự án công kiểm soát triều Tân Thuận	2.303.926.123	2.303.926.123
- Dự án khác	743.000.001	778.838.605
<b>Chi phí phải trả khác</b>	<b>343.634.677</b>	<b>383.464.843</b>

**b) Đại hạn**

- Chi phí cho thuê TSCĐ	2.299.331.154	2.412.413.014
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.297.599.820</b>	<b>6.915.628.829</b>

2.299.331.154	2.412.413.014
---------------	---------------

2.299.331.154	2.412.413.014
---------------	---------------

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

30/06/2020 VND  
01/01/2020 VND

a) Ngân hạn	
2.315.257.167	1.898.616.991
6.773.484.876	4.976.442.876
839.008.688	747.463.049
334.247.584	308.430.724
27.700.000	27.700.000
66.349.090.872	73.424.724.483
20.392.864.704	20.401.017.254
663.825.737	793.825.737
-	14.700.000.000
8.169.704.000	9.047.300.000
4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu Tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam <sup>(ii)</sup>	
12.194.693.828	8.000.000.000
Ông Vũ Đức Tiên <sup>(ii)</sup>	
Phải trả tiền vay cá nhân <sup>(iii)</sup>	
9.092.664.000	9.092.664.000
198.128.000	326.352.000
1.730.970.201	2.168.157.465
9.906.240.402	8.895.408.027
Phải trả, phải nộp khác	
-	
Thu lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát <sup>(ii)</sup>	
-	
Công ty Cổ phần Thu Ngân <sup>(ii)</sup>	
-	
Ông Tạ Hữu Diện <sup>(ii)</sup>	
-	
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam <sup>(ii)</sup>	
-	
Phải trả tiền vay cá nhân khác	
1.341.600.000	1.129.000.000
583.000.000	545.000.000
658.600.000	584.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	
-	
Kinh phí đào tạo của Cán bộ Công nhân viên	
-	
Các khoản phải trả khác	
-	
Phải trả tiền vay cá nhân khác	
-	
Phải trả cổ tức	
-	
20.392.864.704	20.392.864.704
9.092.664.000	9.092.664.000
6.101.929.775	6.101.929.775
35.587.458.479	35.587.458.479
25.742.873.044	31.820.469.044

b) Đại hạn

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d) Phải trả khác là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

<sup>(ii)</sup> Đây là số tức còn lại từ năm 2009 đến năm 2017 chưa thực hiện chi trả cho các cổ đông.

<sup>(iii)</sup> Đây là khoản mà Tổng công ty vay nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0%.

<sup>(iv)</sup> Đây là các khoản vay cá nhân tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng công trình 878 (công ty con). Trong đó: Ngày 04/12/2019, Tòa án Nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (Tòa án) đã gửi các thông báo về việc thụ lý 05 vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa công ty con và 05 cá nhân là bên cho vay gồm: Ông Lê Hữu Tiên, bà Nguyễn Thị Liên, bà Nguyễn Thị Ngọc, bà Phạm Thị Diệp và bà Phạm Thị Lý. Các đơn khởi kiện của bên cho vay (nguyên đơn) yêu cầu công ty con trả lại số tiền gốc của các khoản vay cá nhân với tổng số

tiền 7.956.164.000 VND đã quá hạn thanh toán và số lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn tính tới thời điểm công ty con trả dù số nợ gốc với tổng số tiền là 3.024 triệu VND. Ngày 19/08/2020, các bên đương sự và công ty con đã tiến hành hòa giải nhưng không đạt được thỏa thuận về các khoản phải trả về lãi vay theo yêu cầu của bên nguyên đơn.

Ngày 03/01/2020, công ty con tiếp tục nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa công ty con và bà Nguyễn Thị Hà (bên cho vay). Đơn khởi kiện yêu cầu công ty con trả lãi số tiền gốc với giá trị là 1.036.500.000 VND đã quá hạn thanh toán và số lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn tính tới thời 30/11/2019 là 263 triệu VND. Ngày 20/08/2020, công ty con nhận được Quyết định số 88/2020/QĐXXST-DS của Tòa án Nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bên nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hà vào ngày 18/09/2020.

Tại thời điểm 30/06/2020, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản phải trả tiền lãi vay nào tương ứng với yêu cầu của các bên nguyên đơn.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	239.858.765.579	239.858.765.579	163.682.350.969	147.641.950.216	255.899.166.332	255.899.166.332
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	2.341.992.643	2.341.992.643	770.019.996	1.426.408.647	1.685.603.992	1.685.603.992
	<b>242.200.758.222</b>	<b>242.200.758.222</b>	<b>164.452.370.965</b>	<b>149.068.358.863</b>	<b>257.584.770.324</b>	<b>257.584.770.324</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	4.315.172.671	4.315.172.671	-	1.426.408.647	2.888.764.024	2.888.764.024
	<b>4.315.172.671</b>	<b>4.315.172.671</b>	<b>-</b>	<b>1.426.408.647</b>	<b>2.888.764.024</b>	<b>2.888.764.024</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.341.992.643)	(2.341.992.643)	(770.019.996)	(1.426.408.647)	(1.685.603.992)	(1.685.603.992)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.973.180.028	1.973.180.028			1.203.160.032	1.203.160.032

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**  
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các cá nhân của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	30/06/2020	01/01/2020	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
-	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đông Đô	VND	Thả nổi	Thế chấp ①	Bổ sung vốn lưu động	255.899.166.332	239.858.765.579
-	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	VND	Thả nổi	Thế chấp ①	Bổ sung vốn lưu động	199.723.963.096	182.268.559.424
-	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	VND	Thả nổi	Thế chấp ①	Bổ sung vốn lưu động	10.837.894.100	10.710.480.755
-	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà	VND	Thả nổi	Thế chấp ①	Bổ sung vốn lưu động	11.977.477.252	11.956.427.767
-	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	Thả nổi	Thế chấp ①	Bổ sung vốn lưu động	2.640.500.000	2.821.000.000
-	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	VND	Thả nổi	Thế chấp ①	Bổ sung vốn lưu động	9.923.660.087	10.868.600.103
-	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	VND	Thả nổi	Thế chấp ①	Bổ sung vốn lưu động	10.686.868.797	8.684.352.530
-	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	VND	Thả nổi	Thế chấp ①	Bổ sung vốn lưu động	1.673.803.000	3.114.345.000
-	Vay cá nhân	VND	Thả nổi	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động	8.435.000.000	8.435.000.000
						<b>255.899.166.332</b>	<b>239.858.765.579</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:  
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	30/06/2020		01/01/2020	
						VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>									
- Ngân hàng Dầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đông Đô	VND	Thả nổi	2020	Thế chấp <sup>(1)</sup>	Đầu tư xe ô tô Toyota Camry 2.5Q	-		100.000.000	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Nghệ An	VND	Thả nổi	2022	Thế chấp <sup>(1)</sup>	Đầu tư xe ô tô Toyota Fortuner 37A - 384.80	560.010.024		630.010.020	
- Ngân hàng Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà	VND	Thả nổi	2022	Thế chấp <sup>(1)</sup>	Đầu tư cần trục bánh xích KOBELCO	1.080.000.000		1.518.125.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	Thả nổi	2022	Thế chấp <sup>(1)</sup>	Đầu xe cầu KH300, thiết bị khoan cọc nhồi R15G	1.133.190.000		1.533.210.000	
- Ngân hàng Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	VND	Thả nổi	2022	Thế chấp <sup>(1)</sup>	Mua dây chuyền phun bi tẩy ri cần tay và thu hồi bi tự động	45.000.000		135.000.000	
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	VND	Thả nổi	2022	Thế chấp <sup>(1)</sup>	Đầu tư cần cầu tháp Prime K35/32	-		204.584.151	
- Vay cá nhân	VND	Thả nổi	2022	Tin chấp	Bổ sung vốn	70.564.000		194.243.500	
						<b>2.888.764.024</b>		<b>4.315.172.671</b>	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(1.685.603.992)		(2.341.992.643)	
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>						<b>1.203.160.032</b>		<b>1.973.180.028</b>	

<sup>(1)</sup> Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích có đồng không kiểm soát		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	154.573.830.000		25.766.666.079		1.296.421.018		137.815.964.647		(104.191.615.754)		73.073.267.360		288.334.533.350	
Lỗ trong kỳ trước	-		-		-		-		(29.180.946.176)		(9.216.916.703)		(38.397.862.879)	
Trả cổ tức	-		-		-		-		(464.148.281)		-		(464.148.281)	
Số dư cuối kỳ trước	154.573.830.000		25.766.666.079		1.296.421.018		137.815.964.647		(133.836.710.211)		63.856.350.657		249.472.522.190	
Số dư đầu năm nay	154.573.830.000		25.766.666.079		1.296.421.018		137.815.964.647		(102.807.306.325)		62.187.260.972		278.832.836.391	
Lỗ trong kỳ này	-		-		-		-		(35.710.795.865)		(7.767.111.796)		(43.477.907.661)	
Trả cổ tức bằng tiền	-		-		-		-		-		(143.862.939)		(143.862.939)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty con	-		-		-		-		(770.707.464)		(52.560.482)		(823.267.946)	
Do công ty con giảm vốn góp trong kỳ	-		-		-		-		(362.015.827)		(754.244.173)		(1.116.260.000)	
Số dư cuối kỳ này	154.573.830.000		25.766.666.079		1.296.421.018		137.815.964.647		(139.650.825.481)		53.469.481.582		233.271.537.845	



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Tạ Hữu Điển	29.436.570.000	19,04%	29.436.570.000	19,04%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	23.000.000.000	14,88%	23.000.000.000	14,88%
Ông Nguyễn Hải Duy	19.227.530.000	12,44%	19.227.530.000	12,44%
Ông Đậu Hoàng Việt	9.979.430.000	6,46%	9.979.430.000	6,46%
Các cổ đông khác	72.930.300.000	47,18%	72.930.300.000	47,18%
<b>Cộng</b>	<b>154.573.830.000</b>	<b>100%</b>	<b>154.573.830.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	154.573.830.000	154.573.830.000
- Vốn góp cuối kỳ	154.573.830.000	154.573.830.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	20.401.017.254	19.762.301.438
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	8.152.550	162.241.501
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.152.550	162.241.501
- Số dư cuối kỳ	20.392.864.704	19.600.059.937

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	15.457.383	15.457.383
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.457.383	15.457.383
- Cổ phiếu phổ thông	15.457.383	15.457.383
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.457.383	15.457.383
- Cổ phiếu phổ thông	15.457.383	15.457.383

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	137.815.964.647	137.815.964.647
	<b>137.815.964.647</b>	<b>137.815.964.647</b>

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Làng Hạ, phường Thanh Công, quận Ba Đình, Hà Nội | Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 23. CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

#### a) Cam kết thuế hoạt động

Tổng công ty và các công ty con có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Tổng công ty và các công ty con có cơ sở sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Tổng công ty và các Công ty con phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đảo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tổng công ty có ký hợp đồng thuê đất tại số 22, ngõ 371 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc, thời hạn thuê từ ngày 15/10/1993 đến 15/10/2043; diện tích khu đất thuê là 120,8 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Tổng công ty trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

#### b) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2020 và 01/01/2020 các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2020	01/01/2020
- Từ 1 năm trở xuống	8.122.422,213	6.608.432,094
- Từ 1 năm đến 5 năm	8.491.146,491	10.468.110,890
- Trên 5 năm	782.278,954	1.371.369,863
<b>VND</b>	<b>17.395.847,658</b>	<b>18.447.912,847</b>

### 24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu xây lắp	58.616.211,290	38.299.586,294
Doanh thu sản xuất công nghiệp	26.878.820,500	41.574.829,821
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.013.194,381	2.116.863,275
Doanh thu cho thuê Tài sản cố định, công cụ dụng cụ	472.544,911	1.231.019,967
Doanh thu cung cấp vật tư, hàng hóa	3.940.947,598	27.938.719,470
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.617.659,130	3.707.961,550
<b>VND</b>	<b>73.849.146,290</b>	<b>86.370.912,377</b>

### 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Giá vốn xây lắp	68.194.121,790	49.070.349,634
Giá vốn sản xuất công nghiệp	20.249.146,357	34.157.545,435
Giá vốn cho thuê văn phòng	1.193.817,320	1.240.041,552
Giá vốn cho thuê Tài sản cố định, công cụ dụng cụ	224.595,357	584.162,150
Giá vốn cung cấp vật tư, hàng hóa	3.630.752,037	25.830.241,845
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.728.927,958	1.762.977,365
<b>VND</b>	<b>95.221.360,819</b>	<b>112.645.317,981</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Lãi-tiền gửi, tiền cho vay	6 tháng đầu năm 2020	85.074.661	6 tháng đầu năm 2019	60.150.068
		VND		VND
		85.074.661		60.150.068

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Lãi tiền vay	6 tháng đầu năm 2020	11.040.008,745	6 tháng đầu năm 2019	12.215.435,235
		VND		VND
		11.040.008,745		12.215.435,235

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Chi phí nhân công	6 tháng đầu năm 2020	311.987,373	6 tháng đầu năm 2019	158.000,000
Chi phí khấu hao tài sản cố định		35.066,658		99.970,261
Chi phí dịch vụ mua ngoài		2.392,728		2.392,728
		349.446,759		260.362,989
		VND		VND

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6 tháng đầu năm 2020	342.465,004	6 tháng đầu năm 2019	577.250,340
Chi phí nhân công		13.687,628,017		14.369,135,599
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng		238.409,764		89.224,300
Chi phí khấu hao tài sản cố định		3.346.878,832		4.063,131,623
Thuế, phí và lệ phí		1.675.589,430		1.899,581,654
Chi phí dự phòng (Hoàn nhập dự phòng)		1.612,953,318		(206.483,700)
Chi phí dịch vụ mua ngoài		7.080,363,223		5.996,191,765
Chi phí khác bằng tiền		2.780,412,582		3.338,019,979
		30.764,700,170		30.126,051,560
		VND		VND



**30. THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	4.145.928.508
Thu tiền bồi thường, tiền phạt	13.715.320	60.000.000
Thu nhập khác	41.238.235	1.288.502.278
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.953.555</b>	<b>5.494.430.786</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng	1.690.219.823	-
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	-	555.147.884
Tiền phạt nộp chậm thuế, bảo hiểm	89.440.555	2.043.791.831
Các khoản chi khác	412.736.689	462.480.216
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.192.397.067</b>	<b>3.061.419.931</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
- Chi phí thuế TNDN hiện hành Công ty mẹ	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành Công ty con	589.400.127	461.215.489
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)</b>	<b>589.400.127</b>	<b>461.215.489</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.578.864.778	1.264.675.663
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.436.270.774)	(282.285.452)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(268.005.869)</b>	<b>1.443.605.700</b>

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

30/06/2020	01/01/2020
VND	VND
20%	20%
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	
409.126.442	409.126.442
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>409.126.442</b>

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
VND	VND
-	51.620.925
Chi phí thuế TNDN liên quan đến chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	
-	51.620.925
<b>-</b>	<b>51.620.925</b>

### 34. LẠI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lại cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
VND	VND
(35.710.795.865)	(35.710.795.865)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông
(35.710.795.865)	(29.180.946.176)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ
15.457.383	15.457.383
<b>(2.310)</b>	<b>(1.888)</b>

Lại cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận thuần sau thuế

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ

(2.310)

(1.888)

15.457.383

15.457.383

(35.710.795.865)

(29.180.946.176)

(35.710.795.865)

(29.180.946.176)

VND

VND

năm 2020

năm 2019

6 tháng đầu

6 tháng đầu

105  
G.T.V  
H.H.U  
E.M.T  
M-1  
Y.S.T

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoài trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Giá trị số kế toán		Giá trị số kế toán	
30/06/2020		01/01/2020	
VND		VND	
Nợ phải trả tài chính	258.787.930.356	244.173.938.250	Vay và nợ
Phải trả người bán, phải trả khác	215.515.660.491	212.470.835.594	Phải trả người bán, phải trả khác
Chi phí phải trả	12.596.930.974	9.328.041.843	Chi phí phải trả
<b>486.900.521.821</b>	<b>465.972.815.687</b>		

Giá trị số kế toán		Giá trị số kế toán	
30/06/2020		01/01/2020	
VND		VND	
Tài sản tài chính	6.357.894.819	16.031.592.740	Tài sản tài chính
Tiền và các khoản tương đương tiền	177.165.565.055	228.892.012.656	Phải thu khách hàng, phải thu khác
Các khoản cho vay	-	500.000.000	Các khoản cho vay
<b>183.523.459.874</b>	<b>(28.359.537.629)</b>	<b>245.423.605.396</b>	<b>(26.746.584.311)</b>

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

### 36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Giá trị số kế toán		Giá trị số kế toán	
30/06/2020		01/01/2020	
VND		VND	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.080.762.013	63.861.156.960	Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công	41.913.317.888	45.505.272.066	Chi phí nhân công
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.956.480.458	3.554.011.983	Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.026.468.083	14.110.046.660	Chi phí khấu hao tài sản cố định
Thuế, phí và lệ phí	3.794.832.244	3.603.025.642	Thuế, phí và lệ phí
Chi phí dự phòng (Hoàn nhập dự phòng)	1.612.953.318	(206.483.700)	Chi phí dự phòng (Hoàn nhập dự phòng)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.007.162.978	28.435.608.382	Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền	5.919.924.202	6.403.917.884	Chi phí khác bằng tiền
<b>183.311.901.184</b>	<b>165.266.555.877</b>		

### 35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Làng Hạ, phường Thanh Công, quận Ba Đình, Hà Nội  
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Quản lý rủi ro tài chính**  
Rủi ro tài chính của Tổng công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chịu yếu tố rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến thất về tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Từ 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.357.894.819	-	-	-	6.357.894.819
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.820.266.552	1.985.760.874	-	-	148.806.027.426
<b>Cộng</b>	<b>153.178.161.371</b>	<b>1.985.760.874</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>155.163.922.245</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.031.592.740	-	-	-	16.031.592.740
Phải thu khách hàng, phải thu khác	200.110.436.741	2.034.991.604	-	-	202.145.428.345
Các khoản cho vay	500.000.000	-	-	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>216.642.029.481</b>	<b>2.034.991.604</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>218.677.021.085</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Làng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội | Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Công
Tại ngày 30/06/2020	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	257.584.770,324	1.203.160,032	-	258.787,930,356
Phải trả người bán, phải trả khác	214.174.060,491	1.341.600,000	-	215.515,660,491
Chi phí phải trả	10.297.599,820	2.299,331,154	-	12.596,930,974
<b>482.056.430,635</b>	<b>4.844.091,186</b>	<b>-</b>	<b>486.900,521,821</b>	
Tại ngày 01/01/2020	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	242.200.758,222	1.973.180,028	-	244.173,938,250
Phải trả người bán, phải trả khác	211.341.835,594	1.129.000,000	-	212.470,835,594
Chi phí phải trả	6.915.628,829	2.412,413,014	-	9.328,041,843
<b>460.458.222,645</b>	<b>5.514,593,042</b>	<b>-</b>	<b>465,972,815,687</b>	

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng Tổng công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ vẫn có thể kiểm soát được. Tổng công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, tiền thu từ các tài sản tài chính đảo hạn và các nguồn lực tài chính khác.

### 37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	VND 163,682,350,969	VND 142,894,970,529

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	VND 149,068,358,863	VND 183,796,693,505



**38. NƠI TIẾM TẠNG**

Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Công trình 791 (công ty con) đã gửi Tờ trình đến các cơ quan ban ngành tại tỉnh Nghệ An về việc xin trả lại một phần diện tích đất khoảng 4.600 m<sup>2</sup> (trong tổng số diện tích đất thuê 11.161,1 m<sup>2</sup>) mà công ty con được giao sử dụng tại phường Đông Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An do công ty con xác định không có nhu cầu sử dụng (hiện trạng là đất này là 38 căn hộ tập thể của công ty con vì vậy không phù hợp với mục đích sử dụng đất là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh).

Trong năm 2016, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 90/QĐ.UBND-KT ngày 08/01/2016 về việc Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất của Công ty Cổ phần Công trình 791 tại phường Đông Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết thúc thanh tra, cơ quan Thanh tra kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC46) Công an tỉnh Nghệ An tiến hành điều tra việc sai phạm trong sử dụng đất đai của công ty con. Tuy nhiên sau quá trình điều tra, ngày 11/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có thông báo cho Thanh tra tỉnh Nghệ An và công ty con về việc đình chỉ điều tra vụ án do không đủ cơ sở xử lý bằng biện pháp hình sự về tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai.

Ngày 19/07/2019, công ty con tiếp tục gửi văn bản cho UBND tỉnh Nghệ An, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An về việc xin trả 4.281,1 m<sup>2</sup> (diện tích được công ty con xác định lại). Ngày 19/03/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An đã ban hành văn bản 1237/STNMT-QLBD, trong đó nêu rõ hiện trạng khu đất mà công ty con đề nghị tỉnh thu hồi đã có 37 hộ, (trong đó: có 04 hộ xây dựng nhà 3 tầng, 02 hộ xây dựng nhà 2,5 tầng, 09 hộ xây dựng nhà 2 tầng và 22 hộ xây dựng nhà 01 tầng) và việc tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất hiện chưa đủ cơ sở để thực hiện; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An đang báo cáo, đề nghị UBND tỉnh xử lý.

Đến ngày 18/08/2020, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành văn bản số 5521/UBND-BTD về việc thanh tra chấp hành pháp luật trong quản lý sử dụng đất của Công ty Cổ phần Công trình 791, trong đó giao cho Chánh thanh tra tỉnh chủ trì, thành lập đoàn thanh tra liên ngành để thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng đất của Công ty Cổ phần Công trình 791 tại phường Đông Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Tổng công ty và công ty con chưa thể xác định đề nghị nhân bất kỳ nghĩa vụ nợ phải trả nào có thể phát sinh do vi việc còn phụ thuộc vào kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

**39. NHỮNG SỰ KIẾN PHẤT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KÝ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc ký kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Làng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**40. BẢO CÁO BỘ PHẬN**  
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp		Sản xuất công nghiệp		Hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn Doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	58.616.211.290	26.878.820.500	11.044.346.020	96.539.377.810	-	-	-	-	-	-	96.539.377.810	96.539.377.810
Giá vốn của hàng bán ra bên ngoài	68.194.121.790	20.249.146.357	6.778.092.672	95.221.360.819	-	-	-	-	-	-	95.221.360.819	95.221.360.819
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(9.577.910.500)</b>	<b>6.629.674.143</b>	<b>4.266.253.348</b>	<b>1.318.016.991</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.318.016.991</b>	<b>1.318.016.991</b>
Tổng chi phí mua tài sản cố định	1.708.218.182	-	-	1.708.218.182	-	-	-	-	-	-	1.708.218.182	1.708.218.182
Tài sản bộ phận	807.245.321.961	89.787.766.101	14.504.229.445	911.537.317.507	(127.853.893.530)	-	-	-	-	-	783.683.423.977	783.683.423.977
Tài sản không phân bổ	-	-	-	509.126.442	-	-	-	-	-	-	509.126.442	509.126.442
<b>Tổng tài sản</b>	<b>807.245.321.961</b>	<b>89.787.766.101</b>	<b>14.504.229.445</b>	<b>912.046.443.949</b>	<b>(127.853.893.530)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>784.192.550.419</b>	<b>784.192.550.419</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	640.902.049.952	32.203.814.362	5.669.041.790	678.774.906.104	(127.853.893.530)	-	-	-	-	-	550.921.012.574	550.921.012.574
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>640.902.049.952</b>	<b>32.203.814.362</b>	<b>5.669.041.790</b>	<b>678.774.906.104</b>	<b>(127.853.893.530)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>550.921.012.574</b>	<b>550.921.012.574</b>



Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt  
Số 33 Láng Hạ, phường Thanh Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Theo lĩnh vực địa lý

	Hà Nội	Nghệ An	Đà Nẵng	Các khu vực khác	Tổng cộng	Loại trừ		Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
						VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	55.890.807.336	VND 20.922.498.717	VND 11.533.609.223	VND 8.192.462.534	VND 96.539.377.810	VND -	-	VND 96.539.377.810
Tổng chi phí mua TSCĐ Tài sản bộ phận	1.708.218.182	-	-	-	1.708.218.182	-	-	1.708.218.182
	432.636.284.545	83.095.167.475	96.520.155.339	299.794.836.590	912.046.443.949	(127.853.893.530)	784.192.550.419	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>432.636.284.545</b>	<b>83.095.167.475</b>	<b>96.520.155.339</b>	<b>299.794.836.590</b>	<b>912.046.443.949</b>	<b>(127.853.893.530)</b>	<b>784.192.550.419</b>	
Nợ phải trả của các bộ phận	375.869.378.474	30.872.121.867	56.295.614.947	215.737.790.816	678.774.906.104	(127.853.893.530)	550.921.012.574	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>375.869.378.474</b>	<b>30.872.121.867</b>	<b>56.295.614.947</b>	<b>215.737.790.816</b>	<b>678.774.906.104</b>	<b>(127.853.893.530)</b>	<b>550.921.012.574</b>	

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:  
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mỗi quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
<b>Phải trả phải nộp khác</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Ông Tạ Hữu Diên	25.742.873,044	31.820.469,044
- Ông Vũ Đức Tiên	8.169.704,000	9.047.300,000
- Ông Vũ Đức Tiên	11.500.000,000	8.000.000,000
- Công ty Cổ phần Thu Ngân	-	14.700.000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam	4.000.000,000	-
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Tổng hợp	2.073.169,044	73.169,044
<b>Mỗi quan hệ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	25.742.873,044	31.820.469,044
<b>Phải trả phải nộp khác</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Ông Tạ Hữu Diên	8.169.704,000	9.047.300,000
- Ông Vũ Đức Tiên	11.500.000,000	8.000.000,000
- Công ty Cổ phần Thu Ngân	-	14.700.000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam	4.000.000,000	-
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Tổng hợp	2.073.169,044	73.169,044
<b>Mỗi quan hệ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	25.742.873,044	31.820.469,044

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Tổng Giám đốc	VND	VND
Thu nhập của Phó Tổng Giám đốc và thành viên HĐQT	228.426.102	228.426.102
	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	611.000,000	597.073,898

42. SƠ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán và Tư vấn UHY soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này, cụ thể như sau:

Mã số | Điều chỉnh lại | Đã trình bày trên báo cáo năm trước

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

- Phải thu ngân hàng của khách hàng
- Phải thu ngân hàng khác
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khác
- Hàng tồn kho
- Phải thu dài hạn của khách hàng
- Phải thu dài hạn khác
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn
- Chi phí phải trả ngắn hạn
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát

131	198.922.784.066	198.882.984.569
136	27.934.236.986	22.548.947.482
137	(32.060.428.354)	(28.537.698.879)
141	361.010.001.686	354.606.820.678
211	-	39.799.497
216	2.034.991.604	7.420.281.108
219	-	(3.522.729.475)
241	-	2.953.781.750
315	6.915.628.829	3.466.229.571
421	(102.807.306.325)	(103.610.129.860)
429	62.187.260.972	62.990.084.507



Phùng Tiên Hai Cường  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng

Võ Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2020